



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP**

**XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG**

# MỤC LỤC

----- oOo -----

---

	<b>Trang</b>
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
3.1 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
3.2 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
3.3 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
3.4 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 38

---

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### 1. Thông tin chung về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương (sau đây được viết tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 14/6/2016. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310103090 lần đầu ngày 25/6/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 22/6/2017.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2016 là 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng).

**Hình thức sở hữu vốn:** Cổ phần.

**Hoạt động chính của Công ty:** Trong năm 2016, hoạt động kinh doanh chính của Công ty: bán hàng hóa, mìn cưa và dịch vụ cấp hơi, nhiệt.

**Trụ sở chính:** Số 308 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

### 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

### 3. Thành phần Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

#### Hội đồng Quản trị:

Bà Trần Kim Sa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
* Ông Nguyễn Thanh Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Quốc	Thành viên
Ông Trần Kim Cương	Thành viên
Bà Tạ Thị Ngọc Thảo	Thành viên

#### Ban Giám đốc:

Bà Trần Kim Sa	Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật
Ông Nguyễn Trung Quốc	Phó Giám đốc
Ông Trần Kim Cương	Phó Giám đốc

### 4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### 5. Cam kết của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 5. Cam kết của Ban Giám đốc (tiếp theo)

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### 6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 7 năm 2017

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Kim Sa

Giám đốc

051:  
CH  
CÔNG  
KIẾ  
A DIO  
TP.H  
TU GI

1:0  
AU  
XU  
Đ  
/B



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**

**Auditing & Informatic Services Company Limited**

**Office:** 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh

**Tel:** (84.8) 3832 8964 (10 Lines)

**Fax:** (84.8) 3834 2957

**Email:** info@aisc.com.vn

**Website:** www.aisc.com.vn



Số: 170524/BCKT - AISHN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU**

**ĐÔNG DƯƠNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương, được lập ngày 28/6/2017, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập, trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

047-  
NHÀ  
TY T  
TU  
CHIA  
Y-T

31  
C  
TU  
IAT  
ON  
VA

**Ý kiến của kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2017

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN &  
DỊCH VỤ TÍN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Kiểm toán viên**

**Giám đốc**



**Vũ Khắc Chuyên**

Số giấy CNĐKHNKT: 0160-2013-05-1  
Bộ Tài chính Việt Nam cấp

**Đào Tiên Đạt**

Số giấy CNĐKHNKT: 0078-2013-05-1  
Bộ Tài chính Việt Nam cấp

002  
NH  
TNHH  
D  
FIN HC  
MINH  
IP. HA

0  
3  
C  
N  
10  
1  
=

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: đ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>102.535.752.094</b>	<b>90.199.541.077</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.272.848.482</b>	<b>3.307.364.646</b>
1. Tiền	111	V.1	2.272.848.482	3.307.364.646
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>70.671.727.150</b>	<b>25.341.802.554</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	60.042.225.557	9.099.031.545
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8.149.208.052	4.570.846.870
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	0	8.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	3.380.282.691	4.074.747.560
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	V.3,4	(899.989.150)	(402.823.421)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8</b>	<b>29.521.129.635</b>	<b>54.841.981.689</b>
1. Hàng tồn kho	141		29.521.129.635	54.841.981.689
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>70.046.827</b>	<b>6.708.392.188</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		55.874.141	6.692.574.888
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15b	14.172.686	15.817.300
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>135.289.137.382</b>	<b>122.501.334.139</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>40.237.365.630</b>	<b>4.507.357.250</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	40.237.365.630	4.507.357.250
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>89.769.424.313</b>	<b>111.823.767.836</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	54.392.133.315	36.474.820.886
Nguyên giá	222		75.554.911.713	47.566.737.900
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.162.778.398)	(11.091.917.014)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	35.377.290.998	75.348.946.950
Nguyên giá	225		40.561.676.293	80.959.773.690
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(5.184.385.295)	(5.610.826.740)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.9</b>	<b>0</b>	<b>576.292.380</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	576.292.380
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		4.000.000.000	4.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.282.347.439</b>	<b>1.593.916.673</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1.282.347.439	1.593.916.673
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>237.824.889.476</b>	<b>212.700.875.216</b>

M.S.C.N.  
 10  
 IG  
 PH  
 ON  
 HÃ  
 I D  
 TP

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: đ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>113.869.504.788</b>	<b>163.847.286.385</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>84.640.509.073</b>	<b>119.667.593.328</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	29.639.454.940	72.220.241.850
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	500.000.000	6.168.550.480
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15a	2.554.993.721	71.384.412
4. Phải trả người lao động	314		902.433.097	894.421.886
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	416.861.747	0
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	1.820.891.283	779.526.034
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	48.805.874.285	39.533.468.666
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>29.228.995.715</b>	<b>44.179.693.057</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	29.228.995.715	44.179.693.057
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>123.955.384.688</b>	<b>48.853.588.831</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>123.955.384.688</b>	<b>48.853.588.831</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	52.870.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	52.870.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.955.384.688	(4.016.411.169)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(4.016.411.169)	(3.751.987.974)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.971.795.857	(264.423.195)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>237.824.889.476</b>	<b>212.700.875.216</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2017

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Kiều Yến Thu

Ngô Hoàng Yên

Trần Kim Sa



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: đ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	187.283.631.635	176.250.066.632
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	0	569.465.081
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.3</b>	<b>187.283.631.635</b>	<b>175.680.601.551</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	162.262.449.547	159.234.183.322
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>25.021.182.088</b>	<b>16.446.418.229</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	8.512.053	11.162.409
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	7.719.209.136	8.715.860.191
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.719.209.136	8.715.860.191
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7a	18.125.500	1.036.485.875
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7b	4.529.419.056	6.935.497.673
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>12.762.940.449</b>	<b>(230.263.101)</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.8	0	7.232.606.000
12. Chi phí khác	32	VI.9	2.307.535.283	7.168.730.164
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(2.307.535.283)</b>	<b>63.875.836</b>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.455.405.166	(166.387.265)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	2.483.609.309	98.035.930
<b>16. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>7.971.795.857</b>	<b>(264.423.195)</b>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	945,37	(50,01)
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.13	945,37	(50,01)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2017

Lập biểu

Nguyễn Thị Kiều Yến Thu

Kế toán trưởng

Ngô Hoàng Yến

Giám đốc



Trần Kim Sa

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2016

Đơn vị tính: đ

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	151.572.033.953	208.283.726.008
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02	(181.584.448.861)	(176.188.055.221)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(8.089.451.958)	(11.174.060.043)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(7.271.674.797)	(8.715.860.191)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	0	(10.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	10.137.349.762	37.717.020.400
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(46.057.674.193)	(39.393.481.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(81.293.866.094)</b>	<b>10.519.289.453</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ & các tài sản dài hạn khác	21	(79.870.400)	(6.973.088.010)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các tài sản dài hạn khác	22	10.879.000.000	4.500.000.000
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	8.000.000.000	0
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.694.253	0
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>18.806.823.853</b>	<b>(2.473.088.010)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ	31	67.130.000.000	2.870.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	107.064.500.000	60.811.500.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(88.955.953.677)	(64.665.704.323)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(23.786.838.046)	(7.178.446.475)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>61.451.708.277</b>	<b>(8.162.650.798)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(1.035.333.964)</b>	<b>(116.449.355)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>3.307.364.646</b>	<b>3.423.814.001</b>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	817.800	0
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>2.272.848.482</b>	<b>3.307.364.646</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2017

Lập biểu

Kế toán trưởng

*Nguyễn Thị Kiều Yến Thu*



Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP  
KHẨU ĐÔNG DƯƠNG**

Địa chỉ: 308 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: 028 3547 2357 Fax: 028 3848 6552

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương (sau đây được viết tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 14/6/2016. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310103090 lần đầu ngày 25/6/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 22/6/2017.

Trụ sở: Số 308 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2016 là 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng).

**2- Lĩnh vực kinh doanh**

Trong năm 2016, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: bán hàng hóa, mìn cưa và dịch vụ cấp hơi, nhiệt.

**3- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

**4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Không có.

**5- Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có một (01) Công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Năng lượng Đại Dương. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng. Trong đó vốn của CTCP Đầu tư Công nghiệp và XNK Đông Dương là 4.000.000.000 đồng. Địa chỉ: Số 3A Đồng Nai, phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Thương mại và dịch vụ	80%	80%	80%

**6- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**II- NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1- Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (đ) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

**III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1- Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**2- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

**IV- CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1- Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

**Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế:**

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN An Phú. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31/12/2016: 22.720 VND/USD.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN An Phú. Tỷ giá bán quy đổi tại ngày 31/12/2016: 22.730 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP  
KHẨU ĐÔNG DƯƠNG**

Địa chỉ: 308 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: 028 3547 2357 Fax: 028 3848 6552

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**1- Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (tiếp theo)**

**Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán:**

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

**2- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng đảm bảo đã được kiểm kê, có đối chiếu xác nhận đầy đủ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**3- Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Nguyên tắc kế toán đối với các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các khoản cho vay bằng hợp đồng, thỏa thuận vay giữa 2 bên được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào mức ước tính cho phần giá trị bị tổn thất đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách vay không có khả năng thanh toán.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con**

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư.

**4- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**5- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

**Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:**

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Phương pháp bình quân gia quyền.

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

**6- Nguyên tắc ghi nhận và tính khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**

**6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

**6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính**

Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Tất cả các khoản thuê khác không phải là thuê tài chính đều được xem là thuê hoạt động.

**6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

**Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:**

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Thời gian sử dụng ước tính</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 10 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm

3130  
CHI  
ÔNG  
KIỂM  
DỊCH  
TP.H  
LƯU GI

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**7- Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**8- Nguyên tắc kế toán hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Công ty ghi nhận các khoản mang đi góp vốn vào BCC ban đầu theo giá gốc và phản ánh là nợ phải thu khác.

Công ty ghi nhận các khoản nhận về cho BCC theo giá gốc và phản ánh là nợ phải trả khác, không ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty thuộc trường hợp phân chia lợi nhuận sau thuế, được ghi nhận như sau:

Trường hợp Công ty thực hiện phân chia lợi nhuận BCC:

*Nếu BCC quy định các bên khác trong BCC chỉ được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, đồng thời phải gánh chịu lỗ, Công ty áp dụng phương pháp kế toán BCC chia doanh thu để ghi nhận doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC.*

Trường hợp Công ty nhận lợi nhuận được chia từ BCC:

*Nếu BCC quy định các bên khác trong BCC chỉ được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, đồng thời phải gánh chịu lỗ, Công ty ghi nhận phần doanh thu, chi phí tương ứng với phần mình được chia từ BCC.*

**9- Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm rủi ro tài sản); công cụ dụng cụ; chi phí kiểm định; giá trị còn lại của các TSCĐ không đủ điều kiện ghi nhận là TSCĐ.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ trên 12 tháng.

**10- Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

31-0  
NHÁ  
TY T  
T  
VUT  
CHÍ  
Y-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**11- Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

**12- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

**13- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm chi phí sẽ phải chi trong thời gian ngừng sản xuất, kinh doanh; chi phí lãi tiền vay; chi phí để tạm tính giá vốn hàng hóa... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận,...

**14- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:** Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:** được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**15- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 05 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó.

12-C  
H  
HH  
ÁN  
H  
H  
P. H



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**15- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (tiếp theo)**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận thỏa mãn đồng thời 02 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn, các khoản doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, các khoản lãi tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở lãi suất và thời gian vay thực tế trên hợp đồng.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

**Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác**

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập bất thường ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, các khoản tiền hỗ trợ, tiền thưởng nhận được từ khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu...

**16- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

**17- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính phát sinh trong năm là Chi phí lãi tiền vay. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**18- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)**

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

**19- Nguyên tắc ghi nhận lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**20- Công cụ tài chính**

**Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”), các tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản cho vay ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi quy định tại Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác.

**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tình hình tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP  
KHẨU ĐÔNG DƯƠNG**

Địa chỉ: 308 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: 028 3547 2357 Fax: 028 3848 6552

**Mẫu số B 09 - DN**

*Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC*

*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**21- Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**22- Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**23- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

Thuế GTGT: Công ty thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế, phí khác thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

130  
CHI N  
ÔNG  
KẾ M  
DỊCH  
TP. HỒ  
GI

ÁI  
X  
/

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP  
KHẨU ĐÔNG DƯƠNG**

Địa chỉ: 308 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: 028 3547 2357 Fax: 028 3848 6552

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: đ

**1- Tiền**

	31/12/2016		01/01/2016	
	USD	đồng	USD	đồng
Tiền mặt		4.060.881		1.479.771.083
Tiền gửi ngân hàng	571,91	2.268.787.601	680,40	1.827.593.563
<i>Tiền gửi ngân hàng đồng Việt Nam</i>		2.255.788.087		1.813.152.061
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN An Phú		1.481.504.894		297.574.754
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 2 TP. Hồ Chí Minh		712.709.624		1.441.025.626
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Lê Văn Sỹ		41.786.094		30.742.853
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Sài Gòn		12.707.340		0
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - PGD Trường Sơn - CN Đông Sài Gòn		7.080.135		20.612.085
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Gia Định		0		6.489.671
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Định		0		10.700.082
Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Đinh Tiên Hoàng		0		2.123.610
Ngân hàng TMCP An Bình - CN TP. Hồ Chí Minh - PGD Cộng Hòa		0		3.394.394
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Tân Bình		0		488.986
<i>Tiền gửi ngân hàng ngoại tệ</i>	571,91	12.999.514	680,40	14.441.502
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Ông Ích Khiêm	0,00	0	108,49	2.259.788
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN An Phú	571,91	12.999.514	571,91	12.181.714
<b>Cộng</b>	<b>571,91</b>	<b>2.272.848.482</b>	<b>680,40</b>	<b>3.307.364.646</b>

**2- Đầu tư tài chính**

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>b- Dài hạn</b>						
Đầu tư vào công ty con						
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Năng lượng Đại Dương	4.000.000.000	0	4.000.000.000	4.000.000.000	0	4.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>4.000.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP  
KHẨU ĐÔNG DƯƠNG**

Địa chỉ: 308 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: 028 3547 2357 Fax: 028 3848 6552

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**2- Đầu tư tài chính (tiếp theo)**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312827003 ngày 20/6/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương đăng ký đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Năng lượng Đại Dương là 4.000.000.000 đồng, tương đương 80% vốn điều lệ. Tại ngày 31/12/2016, Công ty đã góp vốn đầu tư đủ 4.000.000.000 đồng.

Trong năm 2016, Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Năng lượng Đại Dương gần như không phát sinh các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Theo Nghị quyết số 2301/NQ-DDG ngày 23/01/2017 của Hội đồng Quản trị, Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương đã chuyển nhượng toàn bộ số vốn sở hữu tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Năng lượng Đại Dương cho bà Lu Thị Hào với số tiền 4.000.000.000 đồng. Đến ngày 23/2/2017, Công ty đã thu hồi toàn bộ số vốn trên bằng tiền gửi ngân hàng.

**3- Phải thu khách hàng**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a- Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>60.042.225.557</b>	<b>(462.846.025)</b>	<b>9.099.031.545</b>	<b>(402.823.421)</b>
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Thăng Lợi	18.920.735.925	0	3.499.936.000	0
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xây dựng Vạn Niên	10.699.343.131	0	0	0
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến Vàng	10.362.960.300	0	192.940.000	0
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Đầu tư Công nghiệp Lương Hiệp	8.134.885.600	0	223.760.000	0
Khách hàng khác	11.924.300.601	(462.846.025)	5.182.395.545	(402.823.421)
<b>Cộng</b>	<b>60.042.225.557</b>	<b>(462.846.025)</b>	<b>9.099.031.545</b>	<b>(402.823.421)</b>

**4- Trả trước cho người bán**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a- Ngắn hạn</b>	<b>8.149.208.052</b>	<b>(437.143.125)</b>	<b>4.570.846.870</b>	<b>0</b>
Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Đông Thành	6.224.005.338	0	0	0
Công ty Cổ phần Đông Phương P.A.T	770.000.000	(385.000.000)	770.000.000	0
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	678.484.137	0	126.567.196	0
Công ty CP Công nghệ môi trường PST	131.254.000	0	124.691.300	0
Công ty TNHH Nguyễn Lê Minh	104.286.250	(52.143.125)	104.286.250	0
Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài nguyên Môi trường	0	0	48.950.000	0
Các đối tượng khác	241.178.327	0	3.396.352.124	0
<b>Cộng</b>	<b>8.149.208.052</b>	<b>(437.143.125)</b>	<b>4.570.846.870</b>	<b>0</b>
<b>b- Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>6.224.005.338</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Đông Thành	6.224.005.338	0	0	0
<b>Cộng</b>	<b>6.224.005.338</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP  
KHẨU ĐÔNG DƯƠNG**

Địa chỉ: 308 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: 028 3547 2357 Fax: 028 3848 6552

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**5- Phải thu về cho vay**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a- Ngắn hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>0</b>
Ông Trần Kim Cương	0	0	8.000.000.000	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>0</b>
<b>b- Phải thu về cho vay là các bên liên quan</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>0</b>
Ông Trần Kim Cương	0	0	8.000.000.000	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>0</b>

**6- Phải thu khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a- Ngắn hạn</b>	<b>3.380.282.691</b>	<b>0</b>	<b>4.074.747.560</b>	<b>0</b>
Thuế GTGT của TSCĐ thuế tài chính	2.284.731.828	0	3.942.804.036	0
Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	785.700.799	0	0	0
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhật Nam	309.846.900	0	0	0
Phải thu khác	3.164	0	131.943.524	0
<b>b- Dài hạn</b>	<b>40.237.365.630</b>	<b>0</b>	<b>4.507.357.250</b>	<b>0</b>
Phải thu về góp vốn liên doanh - Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xây dựng Vạn Niên (*)	20.000.000.000	0	0	0
Phải thu về góp vốn liên doanh - Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Đông Thành (**)	20.000.000.000	0	0	0
Phải thu về ký cược, ký quỹ	237.365.630	0	4.507.357.250	0
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Chailease	0	0	399.352.000	0
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Á Châu	0	0	1.617.000.000	0
Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	0	0	366.005.250	0
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	237.365.630	0	2.125.000.000	0
<b>Cộng</b>	<b>43.617.648.321</b>	<b>0</b>	<b>8.582.104.810</b>	<b>0</b>
<b>c- Phải thu khác là bên liên quan</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Đông Thành	20.000.000.000	0	0	0
<b>Cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

M.S.C.N.02

M. H. N. T. Y.

M. H. N. T. Y.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP  
KHẨU ĐÔNG DƯƠNG**

Địa chỉ: 308 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: 028 3547 2357 Fax: 028 3848 6552

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**6- Phải thu khác (tiếp theo)**

(\*) Đây là khoản góp vốn hợp tác kinh doanh theo hợp đồng số 001/2016/DDG.HTKD ngày 09/9/2016 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương và Công ty Cổ phần Xây dựng và Cơ khí An Thái để thực hiện hợp tác đầu tư gia công thiết bị, lắp đặt và cung cấp hệ thống lò hơi cho Công ty TNHH Giấy Xuân Mai tại Lô C6, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh. Theo hợp đồng, tổng vốn của dự án là 46.000.000.0000 đồng, trong đó Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương góp 20.000.0000.000 đồng, lợi nhuận được hưởng là 45%. Đến ngày 03/10/2016, Công ty đã chuyển toàn bộ số tiền vào tài khoản Công ty Cổ phần Xây dựng và Cơ khí An Thái.

- Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 3011/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/11/2016, Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương rút toàn bộ vốn đầu tư 20.000.000.000 đồng tại hợp đồng hợp tác kinh doanh số 001/2016/DDG.HTKD với Công ty Cổ phần Xây dựng và Cơ khí An Thái. Toàn bộ số vốn này được chuyển sang đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 001/2016/DDG.HTKD ngày 01/12/2016 với Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xây dựng Vạn Niên để thực hiện hợp tác đầu tư gia công thiết bị, lắp đặt và cung cấp hệ thống lò hơi cho Công ty TNHH Giấy Xuân Mai tại Lô C6, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh. Theo hợp đồng, tổng vốn của dự án là 46.000.000.0000 đồng, trong đó Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương góp 20.000.0000.000 đồng, lợi nhuận được hưởng là 45%. Tính đến ngày 31/12/2016, toàn bộ quá trình rút vốn tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Cơ khí An Thái cũng như quá trình chuyển vốn sang đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xây dựng Vạn Niên đã hoàn thành.

(\*\*) Đây là khoản góp vốn hợp tác kinh doanh theo hợp đồng số 001/2016/HTKD ngày 09/9/2016 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương và Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Đông Thành để thực hiện hợp tác đầu tư gia công thiết bị, lắp đặt và cung cấp hệ thống lò hơi cho Công ty TNHH Thực ăn Gia súc Lái Thiêu tại 48B khu phố Hòa Long, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Theo hợp đồng, tổng vốn của dự án là 38.000.000.0000 đồng, trong đó Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương góp 20.000.0000.000 đồng, lợi nhuận được hưởng là 50%. Đến ngày 03/10/2016, Công ty đã chuyển toàn bộ số tiền vào tài khoản Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Đông Thành.

**7- Nợ xấu**

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	462.846.025	0	462.846.025	60.022.604
Công ty TNHH Nhiên liệu và Phân bón Hưng Điền	262.770.678	0	262.770.678	0
Công ty TNHH Quốc tế Tuấn Minh	200.075.347	0	200.075.347	60.022.604
Tổng các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 1 năm đến 2 năm	874.286.250	437.143.125	874.286.250	874.286.250
Công ty Cổ phần Đông Phương P.A.T	770.000.000	385.000.000	770.000.000	770.000.000
Công ty TNHH Nguyễn Lê Minh	104.286.250	52.143.125	104.286.250	104.286.250
<b>Cộng</b>	<b>1.337.132.275</b>	<b>437.143.125</b>	<b>1.337.132.275</b>	<b>934.308.854</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP  
KHẨU ĐÔNG DƯƠNG**

Địa chỉ: 308 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: 028 3547 2357 Fax: 028 3848 6552

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**8- Hàng tồn kho**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.256.132.127	0	47.908.084.229	0
Công cụ, dụng cụ	54.428.182	0	40.491.819	0
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	0	0	1.023.840.208	0
Thành phẩm	0	0	876.527.245	0
Hàng hóa	16.210.569.326	0	4.993.038.188	0
<b>Cộng</b>	<b>29.521.129.635</b>	<b>0</b>	<b>54.841.981.689</b>	<b>0</b>

**9- Tài sản dở dang dài hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang công trình nhà làm việc lò Phước Hòa và lò Heniken	0	0	576.292.380	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>576.292.380</b>	<b>0</b>

**10- Tài sản cố định hữu hình**

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b>6.744.512.079</b>	<b>40.033.599.723</b>	<b>788.626.098</b>	<b>47.566.737.900</b>
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	0	29.464.892.797	0	29.464.892.797
Đầu tư XD CB hoàn thành	0	576.292.380	0	576.292.380
Tăng do phân loại lại	0	1.441.667.834	0	1.441.667.834
Thanh lý, nhượng bán	(1.724.755.818)	(104.986.000)	(39.900.000)	(1.869.641.818)
Giảm do phân loại lại	(1.441.667.834)	0	0	(1.441.667.834)
Giảm khác (*)	(15.155.000)	(96.330.000)	(71.884.546)	(183.369.546)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>3.562.933.427</b>	<b>71.315.136.734</b>	<b>676.841.552</b>	<b>75.554.911.713</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b>954.992.523</b>	<b>9.882.637.516</b>	<b>254.286.975</b>	<b>11.091.917.014</b>
Khấu hao trong năm	524.851.930	5.025.468.885	141.174.664	5.691.495.479
Tăng do mua lại TSCĐ thuê tài chính	0	4.925.400.409	0	4.925.400.409
Tăng do phân loại lại	971.017	7.872.144	0	8.843.161
Thanh lý, nhượng bán	(360.309.943)	(18.885.238)	(7.315.000)	(386.510.181)
Giảm do phân loại lại	0	0	(8.843.161)	(8.843.161)
Giảm khác (*)	(14.397.250)	(78.324.345)	(66.802.728)	(159.524.323)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>1.106.108.277</b>	<b>19.744.169.371</b>	<b>312.500.750</b>	<b>21.162.778.398</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b>5.789.519.556</b>	<b>30.150.962.207</b>	<b>534.339.123</b>	<b>36.474.820.886</b>
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>2.456.825.150</b>	<b>51.570.967.363</b>	<b>364.340.802</b>	<b>54.392.133.315</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP  
KHẨU ĐÔNG DƯƠNG**

Địa chỉ: 308 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: 028 3547 2357 Fax: 028 3848 6552

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**10- Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

(\*) Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế giảm khác **183.369.546 đồng** và **159.524.323 đồng** do thực hiện chuyển các tài sản tài sản cố nguyên giá dưới 30 triệu sang theo dõi trên tài khoản 242 theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

- Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2016 của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay là: **40.777.791.335 đồng**;

- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao tại ngày 31/12/2016 nhưng vẫn còn sử dụng là: **420.444.182 đồng**;

- Nguyên giá của TSCĐHH chờ thanh lý tại ngày 31/12/2016: **0 đồng**.

**11- Tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Đơn vị tính: đ	
	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2016	<b>80.959.773.690</b>	<b>80.959.773.690</b>
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(29.336.512.397)	(29.336.512.397)
Thanh lý, nhượng bán	(11.061.585.000)	(11.061.585.000)
Tại ngày 31/12/2016	<b>40.561.676.293</b>	<b>40.561.676.293</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2016	<b>5.610.826.740</b>	<b>5.610.826.740</b>
Khấu hao trong năm	6.368.125.644	6.368.125.644
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.159.734.337)	(1.159.734.337)
Thanh lý, nhượng bán	(5.634.832.752)	(5.634.832.752)
Tại ngày 31/12/2016	<b>5.184.385.295</b>	<b>5.184.385.295</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2016	<b>75.348.946.950</b>	<b>75.348.946.950</b>
Tại ngày 31/12/2016	<b>35.377.290.998</b>	<b>35.377.290.998</b>

**12- Chi phí trả trước**

	31/12/2016	01/01/2016
<b>b- Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	996.178.209	1.223.709.458
Bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm rủi ro tài sản	238.619.405	251.770.331
Phí kiểm định, đánh giá giám sát lò, nồi hơi	23.704.602	118.436.884
Giá trị còn lại của các TSCĐ không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá	23.845.223	0
<b>Cộng</b>	<b>1.282.347.439</b>	<b>1.593.916.673</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP  
KHẨU ĐÔNG DƯƠNG**

Địa chỉ: 308 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: 028 3547 2357 Fax: 028 3848 6552

**Mẫu số B 09 - DN**  
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**13- Phải trả người bán**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a- Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>29.639.454.940</b>	<b>29.639.454.940</b>	<b>72.220.241.850</b>	<b>72.220.241.850</b>
Công ty CP Đầu tư Công Nông nghiệp Miền Nam	27.202.947.390	27.202.947.390	12.039.962.600	12.039.962.600
Công ty CP Cảng Mỹ Tho	760.846.510	760.846.510	99.775.255	99.775.255
Công ty TNHH KTCK Năng lượng Môi trường Đại Phát	396.637.000	396.637.000	396.637.000	396.637.000
Công ty TNHH Sam Chem Quả Cầu	307.853.000	307.853.000	417.853.000	417.853.000
Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Đông Thành	0	0	38.575.908.558	38.575.908.558
Công ty TNHH Xây dựng và Cơ khí An Thái	0	0	19.737.878.254	19.737.878.254
Các đối tượng khác	971.171.040	971.171.040	952.227.183	952.227.183
<b>Cộng</b>	<b>29.639.454.940</b>	<b>29.639.454.940</b>	<b>72.220.241.850</b>	<b>72.220.241.850</b>
<b>b- Phải trả cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>38.575.908.558</b>	<b>38.575.908.558</b>
Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Đông Thành	0	0	38.575.908.558	38.575.908.558
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>38.575.908.558</b>	<b>38.575.908.558</b>

**14- Người mua trả tiền trước**

	31/12/2016	01/01/2016
<b>a- Ngắn hạn</b>	<b>500.000.000</b>	<b>6.168.550.480</b>
<b>Khách hàng trong nước</b>	<b>500.000.000</b>	<b>5.914.741.856</b>
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhật Nam	500.000.000	111.056.552
Công ty TNHH Tín Điền	0	5.597.929.204
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Linh Hương	0	205.756.100
<b>Khách hàng nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>253.808.624</b>
HYUN DAI TRADING	0	253.808.624
<b>Cộng</b>	<b>500.000.000</b>	<b>6.168.550.480</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP  
KHẨU ĐÔNG DƯƠNG**

Địa chỉ: 308 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: 028 3547 2357 Fax: 028 3848 6552

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**15- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2016	Số phát sinh tăng trong kỳ	Số phát sinh giảm trong kỳ	31/12/2016
<b>a- Phải nộp</b>	<b>71.384.412</b>	<b>22.107.377.234</b>	<b>19.623.767.925</b>	<b>2.554.993.721</b>
Thuế giá trị gia tăng	0	19.617.767.925	19.617.767.925	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	69.366.913	2.483.609.309	0	2.552.976.222
Thuế môn bài	0	6.000.000	6.000.000	0
Phí, lệ phí và thuế khác	2.017.499	0	0	2.017.499
<b>Cộng</b>	<b>71.384.412</b>	<b>22.107.377.234</b>	<b>19.623.767.925</b>	<b>2.554.993.721</b>
<b>b- Phải thu</b>	<b>15.817.300</b>	<b>0</b>	<b>1.644.614</b>	<b>14.172.686</b>
Thuế Thu nhập cá nhân nộp thừa	15.817.300	0	1.644.614	14.172.686
<b>Cộng</b>	<b>15.817.300</b>	<b>0</b>	<b>1.644.614</b>	<b>14.172.686</b>

**16- Chi phí phải trả**

	31/12/2016	01/01/2016
<b>a- Ngắn hạn</b>	<b>416.861.747</b>	<b>0</b>
Trích trước chi phí lãi vay	378.828.467	0
Tiền điện tháng 11, tháng 12 lò Mai Vĩnh	38.033.280	0
<b>Cộng</b>	<b>416.861.747</b>	<b>0</b>

**17- Phải trả, phải nộp khác**

	31/12/2016	01/01/2016
<b>a- Ngắn hạn</b>	<b>1.820.891.283</b>	<b>779.526.034</b>
Thuế GTGT tài sản thuê tài chính	0	206.795.065
Bảo hiểm xã hội	766.591.278	148.979.558
Bảo hiểm y tế	401.646.505	294.752.169
Bảo hiểm thất nghiệp	176.507.836	128.999.242
Lãi chậm nộp Bảo hiểm	130.493.547	0
Lãi nợ thuê tài chính	68.705.872	0
Phải trả khác	276.946.245	0
<b>Cộng</b>	<b>1.820.891.283</b>	<b>779.526.034</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP  
KHẨU ĐÔNG DƯƠNG**

Địa chỉ: 308 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: 028 3547 2357 Fax: 028 3848 6552

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18- Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>48.805.874.285</b>	<b>48.805.874.285</b>	<b>100.823.790.000</b>	<b>91.551.384.381</b>	<b>39.533.468.666</b>	<b>39.533.468.666</b>
<i>Vay ngân hàng (*)</i>	<i>32.711.960.000</i>	<i>32.711.960.000</i>	<i>85.573.790.000</i>	<i>78.847.618.000</i>	<i>25.985.788.000</i>	<i>25.985.788.000</i>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN An Phú	24.905.000.000	24.905.000.000	75.195.500.000	69.321.288.000	19.030.788.000	19.030.788.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Ông Ích Khiêm	2.300.000.000	2.300.000.000	4.600.000.000	4.600.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 2 TP HCM	0	0	0	1.990.000.000	1.990.000.000	1.990.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Bến Thành	0	0	0	2.665.000.000	2.665.000.000	2.665.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc dân - PGD Cộng Hòa - CN Sài Gòn	5.506.960.000	5.506.960.000	5.778.290.000	271.330.000	0	0
<i>Vay cá nhân (**)</i>	<i>10.200.000.000</i>	<i>10.200.000.000</i>	<i>15.250.000.000</i>	<i>5.050.000.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Vay cá nhân có thời hạn 12 tháng (**)						
<i>Nợ thuê tài chính (***)</i>	<i>5.893.914.285</i>	<i>5.893.914.285</i>	<i>0</i>	<i>7.653.766.381</i>	<i>13.547.680.666</i>	<i>13.547.680.666</i>
Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế CHAILEASE	0	0	0	665.586.658	665.586.658	665.586.658
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính ngân hàng Á Châu (ACB Leasing)	0	0	0	4.949.394.000	4.949.394.000	4.949.394.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương VN - CN Hồ Chí Minh	0	0	0	1.787.500.008	1.787.500.008	1.787.500.008
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Hồ Chí Minh	5.893.914.285	5.893.914.285	0	251.285.715	6.145.200.000	6.145.200.000
<b>b- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>29.228.995.715</b>	<b>29.228.995.715</b>	<b>6.240.710.000</b>	<b>21.191.407.342</b>	<b>44.179.693.057</b>	<b>44.179.693.057</b>
<i>Vay ngân hàng (*)</i>	<i>6.240.710.000</i>	<i>6.240.710.000</i>	<i>6.240.710.000</i>	<i>5.058.335.677</i>	<i>5.058.335.677</i>	<i>5.058.335.677</i>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN An Phú	0	0	0	5.058.335.677	5.058.335.677	5.058.335.677
Ngân hàng TMCP Quốc dân - PGD Cộng Hòa - CN Sài Gòn	6.240.710.000	6.240.710.000	6.240.710.000	0	0	0
<i>Nợ thuê tài chính (***)</i>	<i>22.988.285.715</i>	<i>22.988.285.715</i>	<i>0</i>	<i>16.133.071.665</i>	<i>39.121.357.380</i>	<i>39.121.357.380</i>
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính ngân hàng Á Châu (ACB Leasing)	0	0	0	7.316.865.730	7.316.865.730	7.316.865.730
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Hồ Chí Minh	0	0	0	2.732.291.650	2.732.291.650	2.732.291.650
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Hồ Chí Minh	22.988.285.715	22.988.285.715	0	6.083.914.285	29.072.200.000	29.072.200.000
<b>Cộng</b>	<b>78.034.870.000</b>	<b>78.034.870.000</b>	<b>107.064.500.000</b>	<b>112.742.791.723</b>	<b>83.713.161.723</b>	<b>83.713.161.723</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP  
KHẨU ĐÔNG DƯƠNG**

Địa chỉ: 308 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: 028 3547 2357 Fax: 028 3848 6552

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

**(\*) Chi tiết các khoản vay Ngân hàng tại 31/12/2016**

Số hợp đồng	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (%/năm)	Ngày giải ngân	Ngày đáo hạn	Số dư tại 31/12/2016	TS bảo đảm
<b>Các khoản vay ngắn hạn</b>					<b>32.711.960.000</b>	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN An Phú					24.905.000.000	
1606LDS-201601456	4 tháng	9,50%	07/9/2016	07/01/2017	1.867.000.000	
1606LDS-201601542	4 tháng	9,50%	21/9/2016	21/01/2017	963.000.000	- Hệ thống dây chuyền sấy, ép mùn cưa nhà máy sấy nhiên liệu Ấp Tân Lập, xã Phước Tân, Long Thành, Đồng Nai
1606LDS-201601516	4 tháng	9,50%	16/9/2016	16/01/2017	1.650.000.000	
1606LDS-201601696	4 tháng	9,50%	13/10/2016	13/02/2017	2.325.500.000	
1606LDS-201601702	4 tháng	9,50%	15/10/2016	15/02/2017	712.000.000	Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 13 Ấp Lập Thành, Hòa Khánh Tây, Long An
1606LDS-201601714	4 tháng	9,50%	18/10/2016	18/02/2017	934.000.000	
1606LDS-201601924	4 tháng	9,50%	12/11/2016	12/3/2017	1.553.000.000	- Thửa đất số 544, 545, 547 tờ bản đồ số 41, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, tp HCM
1606LDS-201601801	4 tháng	9,50%	01/11/2016	01/3/2017	1.120.000.000	
1606LDS-201601959	4 tháng	9,50%	17/11/2016	17/3/2017	1.500.000.000	- Trạm biến áp 3 pha 22/0,4KV-1x400KVA;
1606LDS-201601845	4 tháng	9,50%	03/11/2016	03/3/2017	1.568.000.000	- Hệ thống máy băm gỗ công suất 10 tấn/h, máy nghiền gỗ công suất 5 tấn/h
1606LDS-201601981	4 tháng	9,50%	21/11/2016	21/3/2017	489.000.000	- Hệ thống máy nén viên gỗ
1606LDS-201601941	4 tháng	9,50%	15/11/2016	15/3/2017	600.000.000	- Hệ thống lò hơi nhà máy Tôn Đông Á tại Lô E, đường số 8, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương
1606LDS-201601997	4 tháng	9,50%	23/11/2016	23/3/2017	700.000.000	
1606LDS-201602053	4 tháng	9,50%	29/11/2016	29/3/2017	775.000.000	
1606LDS-201602027	4 tháng	9,50%	25/11/2016	25/3/2017	1.995.000.000	- Hệ thống lò hơi dạng tầng sôi công suất 15.000kg/h lắp tại Công ty TNHH Mai Vĩnh, địa chỉ Ấp 6, xã Long Tân, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
1606LDS-201602286	4 tháng	9,50%	16/12/2016	16/4/2017	1.729.500.000	
1606LDS-201602127	4 tháng	9,50%	06/12/2016	06/4/2017	1.816.000.000	
1606LDS-201602092	4 tháng	9,50%	02/12/2016	02/4/2017	2.168.000.000	
1606LDS-201602326	4 tháng	9,50%	22/12/2016	22/4/2017	440.000.000	
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Ông Ích Khiêm					2.300.000.000	
228366229	6 tháng	8,70%	09/12/2016	09/6/2017	2.300.000.000	Bất động sản tại TĐ 247, 879, TĐ 08 phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, chủ sở hữu Yang Tuấn Anh, trị giá 2.697.000.000 đồng
Ngân hàng TMCP Quốc dân - PGD Cộng Hòa - CN Sài Gòn					5.506.960.000	
001/2016/KUNN/905/16/101-79	6 tháng	8,20%	01/12/2016	01/6/2017	2.251.000.000	Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của ông Trần Cửu Long và bà Nguyễn Thị Kim Thoa theo Hợp đồng thế chấp số 728/2016/HĐTC/101-79 ngày 30/11/2016
001/2016/KUNN/964/16/101-79	36 tháng	11,00%	09/12/2016	09/12/2019	3.255.960.000	Thế chấp máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất theo HĐ thế chấp số 730/2016.HĐTC/101-79 ngày 8/12/2016 : 2 lò Linh Hương
<b>Các khoản vay dài hạn</b>					<b>6.240.710.000</b>	
Ngân hàng TMCP Quốc dân - PGD Cộng Hòa - CN Sài Gòn					6.240.710.000	
001/2016/KUNN/964/16/101-79	36 tháng	11,00%	09/12/2016	09/12/2019	6.240.710.000	Thế chấp máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất theo HĐ thế chấp số 730/2016.HĐTC/101-79 ngày 8/12/2016 : 2 lò Linh Hương

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP  
KHẨU ĐÔNG DƯƠNG**

Địa chỉ: 308 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: 028 3547 2357 Fax: 028 3848 6552

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18- Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

**(\*\*) Chi tiết các khoản vay cá nhân tại 31/12/2016**

TT	Đối tượng	Thời hạn vay	Ngày vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Dư vay tại 31/12/2016 (đ)
<b>Vay ngắn hạn</b>						<b>10.200.000.000</b>
1.	Nguyễn Thy Mai	3 tháng	06/12/2016	05/3/2017	0,00%	5.200.000.000
2.	Nguyễn Thanh Quang	3 tháng	29/12/2016	28/3/2017	0,00%	5.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>						<b>10.200.000.000</b>

**(\*\*\*) Chi tiết các khoản nợ thuê tài chính**

Số hợp đồng	Ngày thuê	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Số dư		
				Ngắn hạn	Dài hạn	Tổng
Số 17/2014/CN.MN-CTTC ngày 17/12/2014	10/09/2015	10/03/2020	11,00%	3.794.400.000	16.272.600.000	20.067.000.000
Số 34/2015/CN.MN -CCTC ngày 4/12/2015	04/12/2015	04/12/2021	10,50%	675.000.000	3.075.000.000	3.750.000.000
Số 15/2014/CN.MN -CCTC ngày 5/12/2014	05/02/2015	05/02/2020	11,00%	1.424.514.285	3.640.685.715	5.065.200.000
<b>Cộng</b>				<b>5.893.914.285</b>	<b>22.988.285.715</b>	<b>28.882.200.000</b>

**c. Các khoản nợ thuê tài chính đã thanh toán**

Thời hạn	Năm 2016	
	Trả lãi	Trả gốc
Dưới 1 năm	1.485.610.218	17.451.638.046
Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế CHAILEASE	37.602.813	665.586.658
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính ngân hàng Á Châu (ACB Leasing)	1.147.136.159	12.266.259.730
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Hồ Chí Minh	300.871.246	4.519.791.658
Từ 1 năm đến 5 năm	0	0
Trên 5 năm	2.995.530.547	6.335.200.000
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Hồ Chí Minh	2.995.530.547	6.335.200.000
<b>Cộng</b>	<b>4.481.140.765</b>	<b>23.786.838.046</b>

**19- Vốn chủ sở hữu**

**a- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: đ

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	(3.751.987.974)	46.248.012.026
Tăng vốn năm trước	2.870.000.000	0	2.870.000.000
Lãi trong năm trước	0	(264.423.195)	(264.423.195)
<b>Số dư cuối năm trước,</b>	<b>52.870.000.000</b>	<b>(4.016.411.169)</b>	<b>48.853.588.831</b>
Tăng vốn năm nay (*)	67.130.000.000	0	67.130.000.000
Lãi trong năm nay	0	7.971.795.857	7.971.795.857
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>3.955.384.688</b>	<b>123.955.384.688</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP  
KHẨU ĐÔNG DƯƠNG**

Địa chỉ: 308 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: 028 3547 2357 Fax: 028 3848 6552

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**19- Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

(\*) Chi tiết tăng vốn trong năm:

- Nghị quyết số 117/QĐ/2015 ngày 01/9/2015 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương về việc tăng vốn điều lệ lên 80.000.000.000 đồng. Toàn bộ số vốn được góp bằng tiền gửi ngân hàng.
- Nghị quyết số 0109/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/9/2016 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương về việc tăng vốn điều lệ từ 80.000.000.000 đồng lên 120.000.000.000 đồng thông qua việc phát hành 4.000.000 cổ phiếu. Toàn bộ số vốn được góp bằng tiền gửi ngân hàng.

**b- Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Trần Kim Sa	25.000.000.000	20.370.000.000
Nguyễn Thanh Quang	20.000.000.000	17.500.000.000
Trần Ngọc Phụng	16.200.000.000	15.000.000.000
Các cổ đông khác	58.800.000.000	0
<b>Cộng</b>	<b><u>120.000.000.000</u></b>	<b><u>52.870.000.000</u></b>

**c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	52.870.000.000	50.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	67.130.000.000	2.870.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	120.000.000.000	52.870.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	0

**d- Cổ phiếu**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	<u>CP</u>	<u>CP</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	5.287.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	5.287.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	5.287.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	5.287.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	5.287.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/cổ phiếu.

**20- Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

	<u>31/12/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>Đồng</u>	<u>Nguyên tệ</u>	<u>Đồng</u>
<b>c. Ngoại tệ các loại</b>				
USD	571,91	12.999.514	680,40	14.441.502

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP  
KHẨU ĐÔNG DƯƠNG**

Địa chỉ: 308 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: 028 3547 2357 Fax: 028 3848 6552

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ  
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: đ

**1- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu bán hàng	132.911.059.740	119.692.710.260
Doanh thu cung cấp dịch vụ	54.372.571.895	56.557.356.372
<b>Cộng</b>	<b>187.283.631.635</b>	<b>176.250.066.632</b>

**2- Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2016	Năm 2015
Giảm giá hàng bán	0	569.465.081
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>569.465.081</b>

**3- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu thuần bán hàng	132.911.059.740	119.692.710.260
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	54.372.571.895	55.987.891.291
<b>Cộng</b>	<b>187.283.631.635</b>	<b>175.680.601.551</b>

**4- Giá vốn hàng bán**

	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn hàng bán trong kỳ	130.780.147.614	118.222.680.212
Giá vốn cung cấp dịch vụ	31.482.301.933	41.011.503.110
<b>Cộng</b>	<b>162.262.449.547</b>	<b>159.234.183.322</b>

**5- Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.694.253	11.162.409
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	817.800	0
<b>Cộng</b>	<b>8.512.053</b>	<b>11.162.409</b>

**6- Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền vay	7.719.209.136	8.715.860.191
<b>Cộng</b>	<b>7.719.209.136</b>	<b>8.715.860.191</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP  
KHẨU ĐÔNG DƯƠNG**

Địa chỉ: 308 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: 028 3547 2357 Fax: 028 3848 6552

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**7- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
<b>a- Chi phí bán hàng</b>	<b>18.125.500</b>	<b>1.036.485.875</b>
Chi phí nhân viên	0	618.817.177
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	0	7.739.961
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.694.500	402.592.528
Chi phí bằng tiền khác	8.431.000	7.336.209
<b>Cộng</b>	<b>18.125.500</b>	<b>1.036.485.875</b>
<b>b- Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>4.529.419.056</b>	<b>6.935.497.673</b>
Chi phí nhân viên	2.834.867.102	4.766.101.435
Chi phí vật liệu, bao bì	2.500.000	115.208.264
Chi phí đồ dùng văn phòng	356.778.780	123.926.543
Chi phí khấu hao TSCĐ	13.543.332	23.711.707
Thuế, phí, lệ phí	43.102.306	3.051.998
Dự phòng phải thu khó đòi	497.165.729	0
Chi phí dịch vụ mua ngoài	581.544.814	1.108.291.355
Chi phí bằng tiền khác	199.916.993	795.206.371
<b>Cộng</b>	<b>4.529.419.056</b>	<b>6.935.497.673</b>

**8- Thu nhập khác**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	0	7.232.606.000
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>7.232.606.000</b>

**9- Chi phí khác**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Chi phí thanh lý TSCĐ		7.168.730.164
Chênh lệch chi lớn hơn thu từ thanh lý TSCĐ	614.744.392	
Phạt vi phạm hợp đồng	126.039.586	0
Chi phí phạt thuế, phạt chậm nộp bảo hiểm	132.432.708	0
Khấu hao TSCĐ không phục vụ SXKD	888.644.549	0
Chi phí khác	545.674.048	0
<b>Cộng</b>	<b>2.307.535.283</b>	<b>7.168.730.164</b>

**10- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.255.264.574	18.381.104.755
Chi phí nhân công	8.969.477.819	12.070.306.620
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.201.608.816	6.200.919.086
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.480.918.112	3.688.638.777
Chi phí khác bằng tiền	442.046.908	1.699.613.760
<b>Cộng</b>	<b>34.349.316.229</b>	<b>42.040.582.998</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**11- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Năm 2016</b>
<i>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	<b>10.455.405.166</b>
<i>Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN</i>	<b>1.962.641.381</b>
Chi phí khấu hao TSCĐ không phục vụ SXKD	888.644.549
Dự phòng phải thu khó đòi không được trừ	437.143.125
Các khoản phạt thuế và phạt vi phạm hành chính	211.322.912
<i>Chi phí lương tăng ca vượt giờ quy định luật lao động</i>	<i>78.890.204</i>
<i>Phạt vi phạm hành chính về thuế, phạt chậm nộp bảo hiểm</i>	<i>132.432.708</i>
Chênh lệch do đánh giá lại khoản mục cuối kỳ có gốc tiền tệ	(817.800)
Các khoản chi phí không được trừ khác	426.348.595
<i>Tổng lợi nhuận tính thuế</i>	<b>12.418.046.547</b>
<i>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</i>	<b>2.483.609.309</b>
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.483.609.309</b>

**12- Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	7.971.795.857	(264.423.195)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.971.795.857	(264.423.195)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.432.482	5.287.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>945,37</b>	<b>(50,01)</b>

**13- Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.971.795.857	(264.423.195)
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm</b>	<b>7.971.795.857</b>	<b>(264.423.195)</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.432.482	5.287.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân sẽ được qui đổi	0	0
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm</b>	<b>8.432.482</b>	<b>5.287.000</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>945,37</b>	<b>(50,01)</b>

**14- Công cụ tài chính**

**Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14- Công cụ tài chính (tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 và ngày 01/01/2016.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên Bảng Cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31/12/2016 và ngày 01/01/2016.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

**Độ nhạy đối với lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện:

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	<b>Tăng/ giảm điểm cơ bản</b>	<b>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</b>
<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2016</b>		
Đồng	+100	(757.620.215)
Đồng	-100	757.620.215
<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2015</b>		
Đồng	+100	(804.057.971)
Đồng	-100	804.057.971

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14- Công cụ tài chính (tiếp theo)**

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

**Độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

**Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

3130  
CHI  
ÔNG  
TÊN  
DỊCH  
PHÓ  
GIÁ  
30  
T  
ÁN  
N  
K  
10  
10

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP  
KHẨU ĐÔNG DƯƠNG**

Địa chỉ: 308 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: 028 3547 2357 Fax: 028 3848 6552

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14- Công cụ tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: đ

Tại ngày 31/12/2016	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	48.805.874.285	29.228.995.715	78.034.870.000
Phải trả người bán	29.639.454.940	0	29.639.454.940
Chi phí phải trả	416.861.747	0	416.861.747
Các khoản phải trả, phải nộp khác	345.652.117	0	345.652.117
<b>Cộng</b>	<b>79.207.843.089</b>	<b>29.228.995.715</b>	<b>108.436.838.804</b>
Tại ngày 01/01/2016	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	39.533.468.666	44.179.693.057	83.713.161.723
Phải trả người bán	72.220.241.850	0	72.220.241.850
Các khoản phải trả, phải nộp khác	206.795.065	0	206.795.065
<b>Cộng</b>	<b>111.960.505.581</b>	<b>44.179.693.057</b>	<b>156.140.198.638</b>

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đã sử dụng máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc và quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số V.18 - Vay và nợ thuê tài chính).

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**15- Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty :

Đơn vị tính: đ

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2016		01/01/2016		31/12/2016	01/01/2016
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.272.848.482	0	3.307.364.646	0	2.272.848.482	3.307.364.646
Phải thu khách hàng	60.042.225.557	(462.846.025)	9.099.031.545	(402.823.421)	59.579.379.532	8.696.208.124
Phải thu về cho vay	0	0	8.000.000.000	0	0	8.000.000.000
Phải thu khác	43.617.648.321	0	8.582.104.810	0	43.617.648.321	8.582.104.810
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>105.932.722.360</b>	<b>(462.846.025)</b>	<b>28.988.501.001</b>	<b>(402.823.421)</b>	<b>105.469.876.335</b>	<b>28.585.677.580</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Vay và nợ	78.034.870.000	0	83.713.161.723	0	78.034.870.000	83.713.161.723
Phải trả người bán	29.639.454.940	0	72.220.241.850	0	29.639.454.940	72.220.241.850
Chi phí phải trả	416.861.747	0	0	0	416.861.747	0
Phải trả khác	345.652.117	0	206.795.065	0	345.652.117	206.795.065
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>108.436.838.804</b>	<b>0</b>	<b>156.140.198.638</b>	<b>0</b>	<b>108.436.838.804</b>	<b>156.140.198.638</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**15- Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)**

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2016 và 31/12/2015. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ báo cáo.

**VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO NHỮNG KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**1- Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	<i>Đơn vị tính: đ</i>	
	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Tiền thu từ đi vay theo khế ước vay ngân hàng	107.064.500.000	60.811.500.000

**2- Số tiền đã trả gốc vay và nợ thuê tài chính trong kỳ**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Tiền trả nợ gốc theo khế ước vay ngân hàng	88.955.953.677	64.665.704.323
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	23.786.838.046	28.162.892.519
- Chi trả nợ thuê tài chính bằng tiền	17.796.031.880	7.178.446.475
- Chi trả nợ thuê tài chính qua bù trừ công nợ	5.990.806.166	20.984.446.044

**VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo**

- Theo Nghị quyết số 2301/NQ-DDG ngày 23/01/2017 của Hội đồng Quản trị, Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương đã chuyển nhượng toàn bộ số vốn sở hữu tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Năng lượng Đại Dương cho bà Lư Thị Hào với số tiền 4.000.000.000 đồng. Đến ngày 23/2/2017, Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương đã thu hồi toàn bộ số vốn trên bằng tiền gửi ngân hàng.

- Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/2017/NQ-ĐHĐCĐ/DDG ngày 08/3/2017, Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương rút toàn bộ vốn đầu tư 20.000.000.000 đồng tại hợp đồng hợp tác kinh doanh số 001/2016/DDG.HTKD với Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Vạn Niên để đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Toàn bộ các giao dịch rút vốn và sử dụng vốn để thanh toán tiền hàng, thanh toán nợ vay được thực hiện hoàn tất vào tháng 3/2017. Đồng thời, Công ty chuyển toàn bộ vốn đầu tư 20.000.000.000 đồng tại hợp đồng hợp tác kinh doanh số 001/2016/HTKD với Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Đông Thành thành vốn góp vào Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Đông Thành. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Đông Thành là 44,44% (theo giấy chứng nhận kinh doanh lần thứ 16 ngày 21/3/2017, vốn điều lệ của Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Đông Thành là 45.000.000.000 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP  
KHẨU ĐÔNG DƯƠNG**

Địa chỉ: 308 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: 028 3547 2357 Fax: 028 3848 6552

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**2- Giao dịch với bên liên quan**

- Các giao dịch với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và cổ đông lớn của Công ty trong năm 2016 như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ	Diễn giải	Đơn vị tính: đ
				Phát sinh trong năm
1.	Bà Trần Kim Sa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Giám đốc	Góp vốn	27.630.000.000
			Chuyển nhượng vốn	23.000.000.000
2.	Nguyễn Thanh Quang	Thành viên Hội đồng Quản trị	Góp vốn	30.500.000.000
			Chuyển nhượng vốn	28.000.000.000
			Cho vay	5.000.000.000
3.	Trần Ngọc Phụng	Cổ đông lớn	Góp vốn	9.000.000.000
			Chuyển nhượng vốn	7.800.000.000
4.	Ông Trần Kim Cương	Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Giám đốc	Thu tiền cho vay	8.000.000.000

- Giao dịch với Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Đông Thành - Ông Trần Kim Cương là thành viên Hội đồng thành viên và Giám đốc.

STT	Tính chất giao dịch	Dư Nợ đầu kỳ	Dư Có đầu kỳ	Phát sinh giảm	Phát sinh tăng	Dư Nợ cuối kỳ	Dư Có cuối kỳ
1.	Phải trả về bán hàng hóa	0	38.575.908.558	18.613.440.476	63.413.354.372	6.224.005.338	0
2.	Phải thu về góp vốn hợp tác kinh doanh	0	0	0	20.000.000.000	20.000.000.000	0

- Tổng tiền lương, thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc phát sinh trong năm 2016 là **631.444.231 đồng**.

**3- Báo cáo bộ phận**

Hoạt động chính của Công ty: bán hàng hóa thương mại mìn cưa và dịch vụ cấp hơi, nhiệt. Công ty không có chi nhánh nào nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý, Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: đ		
	Doanh thu bán hàng hóa	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	132.911.059.740	54.372.571.895	187.283.631.635
- Doanh thu thuần từ bán hàng hóa, thành phẩm, cung cấp dịch vụ	132.911.059.740	54.372.571.895	187.283.631.635
2. Chi phí	134.007.439.614	32.802.554.489	166.809.994.103
- Giá vốn	130.780.147.614	31.482.301.933	162.262.449.547
- Chi phí phân bổ	3.227.292.000	1.320.252.556	4.547.544.556
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (không bao gồm hoạt động tài chính)	(1.096.379.874)	21.570.017.406	20.473.637.532
4. Tài sản bộ phận	168.779.074.908	69.045.814.568	237.824.889.476
5. Tài sản không phân bổ	0	0	0
Tổng tài sản	168.779.074.908	69.045.814.568	237.824.889.476
6. Nợ phải trả bộ phận	80.810.674.277	33.058.830.511	113.869.504.788
7. Nợ phải trả không phân bổ	0	0	0
Tổng nợ phải trả	80.810.674.277	33.058.830.511	113.869.504.788

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP  
KHẨU ĐÔNG DƯƠNG**

Địa chỉ: 308 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: 028 3547 2357 Fax: 028 3848 6552

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4- Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2016 trên Bảng cân đối kế toán và năm 2015 trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được trình bày lại cho phù hợp với hướng dẫn của Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho năm hiện hành:

**Trên Bảng cân đối kế toán**

Số đã trình bày tại ngày 31/12/2015			Số trình bày lại tại ngày 01/01/2016		
Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền	Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền
Phải thu ngắn hạn khác	136	12.074.747.560	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8.000.000.000
			Phải thu ngắn hạn khác	136	4.074.747.560
<b>Cộng</b>		<b>12.074.747.560</b>	<b>Cộng</b>		<b>12.074.747.560</b>

**5. Tính hoạt động liên tục**

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2017

Người lập biểu

*Nguyễn Thị Kiều Yến Thu*

Kế toán trưởng

Ngô Hoàng Yên



Giám đốc

Trần Kim Sa

C.P. H.A.